

Bản án số: 65/2019/DS-ST

Ngày: 16-4-2019.

V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chiêm Tiên Quý Nhân – Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Yên Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 414/2018/DSST ngày 07/12/2018 về việc” Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Trần H, sinh năm 1976 - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 044/2017/UQ-TTT ngày 10/01/2017) – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991; địa chỉ: khu phố K, thị trấn L, huyện G, tỉnh U; tạm trú: 1071 đường B, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Bình trình bày:

Ngày 31/5/2016, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bị đơn là ông Nguyễn Thanh L theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (đơn vị phát hành thẻ).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch nhưng đến ngày 01/12/2016, ông L không thanh toán các khoản đến hạn, cụ thể: tổng số tiền giao dịch là 29.400.000đ (hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng), tổng phí trễ hạn

thanh toán thẻ là 1.052.499đ (một triệu không trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng), tổng lãi phát sinh thanh toán thẻ 2.820.093đ (hai triệu tám trăm hai mươi ngàn không trăm chín mươi ba đồng), tổng phí thanh toán do phát sinh vượt hạn mức thẻ 259.804đ (hai trăm năm mươi chín ngàn tám trăm lẻ bốn đồng), phí thường niên thanh toán thẻ 299.000đ (hai trăm chín mươi chín ngàn đồng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại là 23.581.396đ (hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi một ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) .

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.250.000đ (mười triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông L thanh toán, nhưng ông L vẫn không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 16/4/2019, tổng dư nợ của ông L tại Ngân hàng TMCP A như sau:

- Nợ gốc: 23.581.396đ (hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi một ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng).

- Lãi quá hạn: 25.556.559đ (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi chín đồng).

Tổng cộng: 49.137.955đ (bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi năm ngàn đồng).

Nay Ngân hàng TMCP A kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay 01 lần toàn bộ nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 16/4/2019 là 49.137.955đ (bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi năm ngàn đồng). Ngoài ra ông L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo quy định tại theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kể từ ngày 17/4/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Bình có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 09/4/2019 và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn là ông Nguyễn Thanh L đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐST-DS ngày 06/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HPT ngày 26/3/2019 nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Bình, bị đơn ông Nguyễn Thanh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy, thỏa thuận giữa ông Nguyễn Thanh L và Ngân hàng về việc vay vốn kèm Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, do đó hợp đồng được công nhận và có giá trị thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, ông Nguyễn Thanh L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo nội dung hợp đồng. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu và lãi phát sinh là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005,

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh L phải trả số tiền còn nợ lại theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” và “Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (đơn vị phát hành thẻ)” ngày 31 tháng 5 năm 2016 thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh “Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: Thuận Nam, Hàm Thuận Nam, Bình Thuận; cư trú tại 1071 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 3, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 6/2016 đến tháng 8/2016. Hiện không cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ”.

Căn cứ vào công văn số 653/PA72 ngày 07/5/2018 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bình Thuận về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: “Nguyễn Thanh L, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: khu phố K, thị trấn L, huyện G, tỉnh U, CMND số 261214596, hộ chiếu số C3173816, xuất cảnh lần gần nhất ngày 26/4/2018, qua cửa khẩu sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất và chưa có thông tin nhập cảnh. Hiện nay, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an đã bỏ thủ tục khai báo xuất nhập cảnh tại cửa khẩu nên chúng tôi không thể cung cấp thông tin ông Nguyễn Thanh L xuất cảnh đến quốc gia nào, địa chỉ cụ thể, mục đích xuất cảnh.”

Căn cứ vào “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ngày 31 tháng 5 năm 2016 thể hiện tại thời điểm ký kết ông L có cư trú tại địa chỉ tại 1071 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng năm 2015, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án

[] Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Thanh L mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ, đề cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” và “Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (đơn vị phát hành thẻ)” ngày 31 tháng 5 năm 2016 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở để kết luận Ngân hàng TMCP A có cấp cho ông Nguyễn Thanh L thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu) đồng.

Căn cứ vào bản chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A xác định ông Nguyễn Thanh L còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 16/4/2019 là 49.137.955đ (bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi năm ngàn đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc: 23.581.396đ (hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi một ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi: 25.556.559đ (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi chín đồng).

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh L phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 49.137.955đ (bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi năm ngàn đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc: 23.581.396đ (hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi một ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi: 25.556.559đ (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi chín đồng).

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày 11/9/2018, ông Nguyễn Thanh L còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ngày 17 tháng 4 năm 2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi quá hạn và nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán về nợ gốc, lãi nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Áp dụng Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Về hình thức: xét xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP A ông Trần Bình và bị đơn ông Nguyễn Thanh L.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

- Buộc ông Nguyễn Thanh L phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc và số tiền lãi tính đến ngày 16/4/2019 là 49.137.955đ (bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi năm ngàn đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc: 23.581.396đ (hai mươi ba triệu năm trăm tám mươi một ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi: 25.556.559đ (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi chín đồng).

Ngoài ra, kể từ ngày 17/4/2019, ông Nguyễn Thanh L còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A ngày 31 tháng 5 năm 2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.456.898đ (hai triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 616.801đ (sáu trăm mười sáu ngàn tám trăm lẻ một đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/07860

ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn Thanh L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc tính từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK Nhân).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phương